

## PHẦN 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

### CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

#### I. Giới thiệu:

##### I.1. Mô tả khái quát về dự án và gói thầu.

1. Tên dự án: ĐT.836B.

2. Tên gói thầu: Tư vấn giám sát thi công xây dựng.

3. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Long An.

4. Địa điểm: Xã Thạnh Hóa, tỉnh Tây Ninh.

##### 5. Hình thức lựa chọn nhà thầu:

- Hình thức tuyển chọn: Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng.
- Phương thức đấu thầu: Một giai đoạn, hai túi hồ sơ.
- Hình thức hợp đồng: Trọn gói.

6. Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

7. Loại, cấp công trình: theo Thông tư số 06/TT-BXD ngày 30/6/2024 của Bộ Xây dựng.

+ Phần đường: Công trình giao thông đường ô tô, cấp III.

+ Phần cầu: Công trình giao thông cầu, cấp IV.

8. Thời gian thực hiện gói thầu: 730 ngày.

##### 9. Quy mô, chỉ tiêu kỹ thuật; các giải pháp thiết kế:

###### 9.1 Quy mô chung của dự án:

- Theo Quyết định số 13941/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND tỉnh Long An.

###### a) Phần đường: Mở rộng, nâng cấp nền, mặt đường.

- Cấp hạng đường sau khi mở rộng: đường cấp IV đồng bằng (TCVN 4054:2005).

- Tốc độ thiết kế 60Km/h.

- Tải trọng trục thiết kế: trục đơn 10T (100kN).

- Modul đàn hồi yêu cầu:  $E_{yc} \geq 135\text{MPa}$ .

- Mặt đường thảm bê tông nhựa nóng.

###### b) Phần cầu: Xây dựng mới 02 cầu (cầu Kênh 2 và cầu Kênh 3).

- Kết cấu bằng bê tông cốt thép và bê tông cốt thép dự ứng lực.

- Tải trọng thiết kế HL93.

- Khổ cầu: 12m (phần xe chạy 11m, lan can 0,5m x 2bên).

- Tĩnh không:

+ Tĩnh không đứng  $H > 3,25\text{m}$  (so với mực nước tần suất 5% theo giờ +1,50m), cao độ đáy dầm tương đương cao độ đáy dầm cầu hiện hữu: +4,75m.

+ Tĩnh không ngang  $B > 15\text{m}$ .

**c) Phần công: Xây dựng mới 01 cống tại Kênh Nam Lộ 49.**

- Kết cấu bằng bê tông cốt thép.
- Tải trọng thiết kế HL93.

**9.2. Giải pháp thiết kế chủ yếu:**

**9.2.1. Phần đường:**

*a) Bình đồ:*

- Điểm đầu: Km0+00, giao với Quốc lộ 62, thuộc xã Thanh Hóa (huyện Thanh Hóa cũ).

- Điểm cuối: Km6+031, giáp với cầu Ngã Năm Hoàng Gia tỉnh Đồng Tháp (tỉnh Tiền Giang cũ).

- Tổng chiều dài tuyến: 6.031 m.

- Hướng tuyến thiết kế bám theo hướng tuyến hiện hữu, tim tuyến thiết kế được dịch sang bên phải tuyến từ 0m ÷ 3,5m so với tim đường hiện hữu nhằm đảm bảo ổn định nền đường, cục bộ tại đường cong thứ 2 (Km0+239 - Km0+379), tim tuyến thiết kế dịch sang phải so với tim đường hiện hữu 0m ÷ 9,8m.

- Tại các vị trí xây dựng cầu, cống hộp ngang đường: tim cầu, tim cống hộp trùng tim cầu hiện hữu.

*b) Trắc dọc:* Mặt cắt dọc đường thiết kế đảm bảo yêu cầu kỹ thuật tương ứng với vận tốc thiết kế 60km/h, đảm bảo thỏa mãn cao độ không chế của đường hiện hữu và các tuyến đường trong khu vực. Cao độ thiết kế bằng cao độ mặt đường hiện hữu cộng thêm chiều dày lớp kết cấu áo đường tăng cường. Cao độ tim đường thiết kế  $\geq 2,81$ m.

*c) Trắc ngang:*

- Mặt đường nhựa: 3,5m x 2 bên = 7,0m

- Lề đường gia cố: 0,5m x 2 bên = 1,0m

- Lề đường không gia cố: 2,0m x 2 bên = 4,0m

- Tổng bề rộng nền đường: 12,0m.

*d) Nút giao: Kết cấu nền, mặt đường, lề gia cố:* Mặt đường cấp cao A1 thảm bê tông nhựa nóng (TCCS 38:2022/TCĐBVN).

- Kết cấu nền, mặt đường phạm vi mở rộng và lề gia cố:

+ Bê tông nhựa chặt C12,5 dày 7cm.

+ Tưới nhựa thấm bảm, tiêu chuẩn 1,0kg/m<sup>2</sup>.

+ Lớp móng trên cấp phối đá dăm loại I dày 18cm, đầm chặt  $K \geq 0,98$ .

+ Lớp móng dưới cấp phối đá dăm loại I dày 18cm, đầm chặt  $K \geq 0,98$ .

+ Đệm móng đá mi dày 30cm, đầm chặt  $K = 1,00 - 1,02$ .

+ Đắp đất chọn lọc nền đường, 20cm trên cùng đầm chặt  $K \geq 0,98$ .

- Kết cấu mặt đường tăng cường trên mặt đường hiện hữu:

+ Bê tông nhựa chặt C12,5 dày 7cm.

+ Tưới nhựa thấm bảm, tiêu chuẩn 1,0kg/m<sup>2</sup>.

+ Bù phụ cấp phối đá dăm loại I dày tối thiểu 18cm,  $K \geq 0,98$ .

*đ) Lề đường:* Đắp bằng đất chọn lọc, đầm chặt  $K \geq 0,95$ . Mái taluy: sử dụng tận dụng đất đào có chọn lọc  $K \geq 0,90$ .

*e) Thiết kế đường dân sinh:* Kết cấu từ trên xuống như sau:

- Mặt đường bê tông xi măng M250 dày 18cm.
- Lớp móng cấp phối đá dăm loại dày 1, dày 18cm, đầm chặt K98.
- Nền đường đắp đất đầm chặt K95, (nếu có).
- Mái taluy phía đồng đắp đất chọn lọc, K90, mái 1:1.5.

**9.2.2. Phần cầu:***a) Bình đồ và tổng quan cầu:*

Vị trí xây dựng và sơ đồ nhịp:

STT	Tên cầu	Vị trí	Sơ đồ nhịp (m)
1	Kênh 2	Lý trình Km1+863,67 tim cầu mới trùng với tim cầu hiện hữu	<b>01 nhịp</b> 24,54m
2	Kênh 3	Lý trình Km2+886,40 tim cầu mới trùng với tim cầu hiện hữu	<b>03 nhịp</b> (18,6+18,6+18,6)m

*b) Kết cấu phần trên:*

- Cầu Kênh 2: dầm chủ sử dụng dầm giản đơn BTCT DUL đúc sẵn tại nhà máy, tiết diện chữ "I", chiều dài 24,54m.

- Cầu Kênh 3: dầm chủ sử dụng dầm giản đơn BTCT DUL đúc sẵn tại nhà máy, tiết diện chữ "I", chiều dài 18,6m.

- Tải trọng thiết kế: HL93, tải trọng người đi bộ 3KN/m<sup>2</sup>.

- Khổ cầu: 12m (11,00+2x0,5)m.

- Dầm ngang bằng BTCT đổ tại chỗ.

- Mặt cầu bằng BTCT đổ tại chỗ, bề mặt bản mặt cầu được phun dung dịch chống thấm.

- Lớp phủ mặt cầu bằng bê tông nhựa nóng.

- Lan can bằng thép mạ kẽm, gờ lan can BTCT,  $f_c=30\text{Mpa}$ .

- Khe co giãn dạng răng lược bằng thép mạ kẽm.

- Tại trụ bố trí bản liên tục nhiệt.

- Gối cầu sử dụng gối cao su cốt bản thép.

+ Cầu Kênh 2: 16 cái, kích thước 400x300x63.

+ Cầu Kênh 3: 48 cái, kích thước 300x200x50.

*c) Kết cấu phần dưới:*

- Trụ T1 và T2: dạng trụ đặc thân hẹp, kết cấu bằng BTCT đổ tại chỗ đặt trên hệ móng cọc BTCT,  $f_c=30\text{Mpa}$ .

- Mố MA và MB: dạng mố chữ U, kết cấu bằng BTCT đổ tại chỗ đặt trên hệ móng cọc BTCT,  $f_c=30\text{Mpa}$ .

- Bản quá độ bằng BTCT,  $f_c=25\text{Mpa}$ , trong đó:

+ Cầu Kênh 2: Kết hợp sàn giảm tải trên 39 cọc PC D400C có chiều dài thiết kế là 40m. Bản quá độ dài 5m.

+ Cầu Kênh 3: Bản quá độ dài 8,0m.

*d. Móng cọc:*

STT	Tên cầu	Số lượng / Chiều cọc
-----	---------	----------------------

		<b>Mô</b>	<b>Trụ</b>
1	Cầu Kênh 2	A1: 24 cọc dài 46m. A2: 24 cọc dài 42m.	
2	Cầu Kênh 3	A1: 21 cọc dài 46m. A2: 21 cọc dài 41m.	T1: 21 cọc dài 41m. T2: 21 cọc dài 46m.

*e. Thoát nước:* Bằng ống nhựa uPVC đường kính 168mm, cách nhau khoảng 6,3m.

### **9.2.3. Phần công:**

- Vị trí xây dựng: tại Kênh Nam Lộ 49, lý trình Km0+34,93.
- Tim công thiết kế trùng với tim Kênh Nam Lộ 49 hiện hữu.
- Độ dốc dọc công: 0%.
- Tiết diện trong công BxH = 5mx5m.
- Cao độ đáy công: -1,54m.
- Kết cấu bằng BTCT đổ tại chỗ,  $f_c=30\text{Mpa}$ , đặt trên hệ móng cọc ly tâm PC D400C. Móng sân công được gia cố bằng 12 cọc ly tâm PC D400C, chiều dài cọc 34m.
- Cửa xả công bằng BTCT,  $f_c=25\text{Mpa}$ , phía thượng lưu, hạ lưu gia cố bằng rọ đá chống xói.

- Thiết kế bản quá độ bằng BTCT  $f_c=25\text{Mpa}$  hai bên đường vào công. Nhịp sau công gác trên hệ 08 cọc ly tâm PC D400C dài 30m, nhịp còn lại gác trên móng cừ tràm dài 4,5m mật độ 25 cây/m<sup>2</sup>; tải trọng thiết kế đầu cọc = 63,32 tấn, sức chịu tải 69,14 tấn/ cọc.

### **9.2.4. Tổ chức giao thông:**

- Tổ chức giao thông đường bộ: bố trí vạch sơn đường, biển báo hiệu, ... theo đúng Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41-2024/BGTVT.
- Tổ chức giao thông đường thủy tuân theo quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường thủy nội địa Việt Nam QCVN 39:2020 của BGTVT.

### **9.2.5. Đảm bảo giao thông:**

- Xây dựng cầu tạm đảm bảo cho người đi bộ và các phương tiện xe hai bánh lưu thông qua lại trong quá trình thi công.
- Tổ chức đảm bảo giao thông thủy.
- Đối với phương tiện xe ô tô bốn bánh, tổ chức đi vòng tránh theo hướng khác bằng các tuyến đường của xã Thạnh Hóa, xã Tân Tây.

**I.2. Mô tả mục đích tuyển chọn nhà thầu:** Lựa chọn nhà thầu có đủ năng lực thực hiện gói thầu: Tư vấn giám sát thi công xây dựng thuộc dự án ĐT.836B.

## **II. Phạm vi công việc:**

### **II.1. Mô tả khái quát phạm vi công việc:**

Nhà thầu thực hiện công tác Tư vấn giám sát thi công xây dựng thuộc dự án ĐT.836B, theo quy định của pháp luật trong vòng 730 ngày.

### **II.2. Nội dung công việc cụ thể của gói thầu:**

Nhà thầu thực hiện công tác tư vấn giám sát thi công xây dựng và tất cả các công việc có liên quan khác theo quy định của pháp luật.

Nếu trúng thầu gói thầu đơn vị tư vấn phải thực hiện các nhiệm vụ cụ thể như sau:

## **1. Tổ chức nhân sự**

Tổ chức tư vấn giám sát có nhiệm vụ: Bố trí nhân sự đủ điều kiện năng lực theo qui định và trang thiết bị, dụng cụ cần thiết cho công tác tư vấn giám sát; tổ chức các văn phòng tư vấn giám sát tại hiện trường phù hợp với qui mô, yêu cầu của dự án, công trình.

## **2. Quản lý (kiểm soát) chất lượng**

a) Kiểm tra lại các bản vẽ thiết kế của hồ sơ yêu cầu, các chỉ dẫn kỹ thuật, các điều khoản hợp đồng, đề xuất với nhà đầu tư về phương án giải quyết những tồn tại hoặc điều chỉnh cần thiết (nếu có) trong hồ sơ thiết kế cho phù hợp với thực tế và các quy định hiện hành.

b) Rà soát, kiểm tra tiến độ thi công tổng thể và chi tiết do nhà thầu lập, có ý kiến về sự phù hợp với tiến độ thi công tổng thể; có kế hoạch bố trí nhân sự tư vấn giám sát cho phù hợp với kế hoạch thi công theo từng giai đoạn.

c) Căn cứ hồ sơ thiết kế, các chỉ dẫn kỹ thuật đã được duyệt trong hồ sơ yêu cầu, các Quy chuẩn, Tiêu chuẩn, quy trình, qui phạm hiện hành được áp dụng cho dự án, thực hiện thẩm tra bản vẽ thi công do nhà thầu lập và trình nhà đầu tư phê duyệt.

d) Căn cứ các hồ sơ thiết kế cơ sở, bản vẽ thi công đã được phê duyệt, các quyết định điều chỉnh, để thẩm tra các đề xuất khảo sát bổ sung của nhà thầu, có ý kiến trình nhà đầu tư quyết định; thực hiện kiểm tra, theo dõi công tác đo đạc, khảo sát bổ sung của nhà thầu; kiểm tra, soát xét và ký phê duyệt hoặc trình nhà đầu tư phê duyệt các bản vẽ thiết kế thi công, biện pháp thi công của những nội dung điều chỉnh, bổ sung đã được nhà đầu tư chấp thuận, đảm bảo phù hợp với thiết kế trong Hồ sơ đề xuất.

e) Kiểm tra các điều kiện khởi công xây dựng công trình theo quy định tại Điều 107 của Luật xây dựng Số 50/2014/QH13.

f) Kiểm tra về nhân lực, thiết bị thi công của nhà thầu thi công xây dựng công trình đưa vào công trường; xác nhận số lượng, chất lượng máy móc, thiết bị (giấy chứng nhận của nhà sản xuất, kết quả kiểm định thiết bị của các tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận) của nhà thầu chính, nhà thầu phụ theo hợp đồng xây dựng hoặc theo hồ sơ trúng thầu; kiểm tra công tác chuẩn bị tập kết vật liệu (kho, bãi chứa) và tổ chức công trường thi công (nhà ở, nhà làm việc và các điều kiện sinh hoạt khác).

g) Kiểm tra hệ thống quản lý chất lượng nội bộ của nhà thầu: hệ thống tổ chức và phương pháp quản lý chất lượng, các bộ phận kiểm soát chất lượng (từ khâu lập hồ sơ bản vẽ thi công, kiểm soát chất lượng thi công tại công trường, nghiệm thu nội bộ).

h) Kiểm tra và xác nhận bằng văn bản về chất lượng phòng thí nghiệm hiện trường của nhà thầu theo quy định trong Hồ sơ đề xuất; kiểm tra chứng chỉ về năng lực chuyên môn của các cán bộ, kỹ sư, thí nghiệm viên.

i) Giám sát chất lượng vật liệu tại nguồn cung cấp và tại công trường theo yêu cầu của chỉ dẫn kỹ thuật. Lập biên bản không cho phép sử dụng các loại vật liệu, cấu kiện, thiết bị và sản phẩm không đảm bảo chất lượng do nhà thầu đưa đến công trường, đồng thời yêu cầu chuyển khỏi công trường.

k) Kiểm tra, nghiệm thu chất lượng thi công của từng phần việc, từng hạng mục khi có thư yêu cầu từ nhà thầu theo quy định trong chỉ dẫn kỹ thuật. Kết quả kiểm tra phải ghi nhận ký giám sát của tổ chức tư vấn giám sát hoặc biên bản kiểm tra theo quy định.

l) Giám sát việc lấy mẫu thí nghiệm, lưu giữ các mẫu đối chứng của nhà thầu; giám sát quá trình thí nghiệm, giám định kết quả thí nghiệm của nhà thầu và xác nhận vào phiếu thí nghiệm.

m) Phát hiện các sai sót thi công, khuyết tật, hư hỏng, sự cố các bộ phận công trình; lập biên bản hoặc hồ sơ sự cố theo quy định hiện hành, trình cấp có thẩm quyền giải quyết.

n) Kiểm tra đánh giá kịp thời chất lượng, các hạng mục công việc, bộ phận công trình; yêu cầu tổ chức và tham gia các bước nghiệm thu theo quy định hiện hành.

o) Xác nhận bằng văn bản kết quả thi công của nhà thầu đạt yêu cầu về chất lượng theo quy định trong chỉ dẫn kỹ thuật của hồ sơ yêu cầu.

p) Kiểm tra, đơn đốc nhà thầu lập hồ sơ hoàn công, thanh, quyết toán kinh phí xây dựng, rà soát và xác nhận để trình cấp có thẩm quyền.

### **3. Quản lý tiến độ thi công**

a) Kiểm tra, xác nhận tiến độ thi công tổng thể và chi tiết các hạng mục công trình do nhà thầu lập đảm bảo phù hợp tiến độ thi công đã được duyệt.

b) Kiểm tra, đơn đốc tiến độ thi công. Khi cần thiết, yêu cầu nhà thầu điều chỉnh tiến độ thi công cho phù hợp với thực tế thi công và các điều kiện khác tại công trường, nhưng không làm ảnh hưởng đến tổng tiến độ của dự án. Đề xuất các giải pháp rút ngắn tiến độ thi công nhưng không được làm ảnh hưởng đến chất lượng và đảm bảo giá thành hợp lý. Trường hợp xét thấy tổng tiến độ của dự án bị kéo dài thì tư vấn giám sát phải đánh giá, xác định các nguyên nhân, trong đó cần phân định rõ các yếu tố thuộc trách nhiệm của nhà thầu và các yếu tố khách quan khác, báo cáo nhà đầu tư bằng văn bản để nhà đầu tư trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc điều chỉnh tiến độ của dự án.

c) Thường xuyên kiểm tra năng lực của nhà thầu về nhân lực, thiết bị thi công so với hợp đồng xây dựng hoặc theo hồ sơ trúng thầu và thực tế thi công; yêu cầu nhà thầu bổ sung hoặc báo cáo, đề xuất với nhà đầu tư các yêu cầu bổ sung, thay thế nhà thầu, nhà thầu phụ để đảm bảo tiến độ khi thấy cần thiết.

### **4. Quản lý khối lượng và giá thành xây dựng công trình**

a) Kiểm tra xác nhận khối lượng đạt chất lượng, đơn giá đúng quy định do nhà thầu lập, trình, đối chiếu với hồ sơ hợp đồng, bản vẽ thi công được duyệt và thực tế thi công để đưa vào chứng chỉ thanh toán hàng tháng hoặc từng kỳ, theo yêu cầu của hồ sơ hợp đồng và là cơ sở để thanh toán phù hợp theo chế độ quy định.

b) Đề xuất giải pháp và báo cáo kịp thời lên nhà đầu tư về khối lượng phát sinh mới ngoài khối lượng trong hợp đồng, do các thay đổi so với thiết kế được duyệt. Sau khi có sự thống nhất của nhà đầu tư bằng văn bản, rà soát, kiểm tra hồ sơ thiết kế, tính toán khối lượng, đơn giá do điều chỉnh hoặc bổ sung do nhà thầu thực hiện, lập báo cáo và đề xuất với nhà đầu tư chấp thuận.

c) Theo dõi, kiểm tra các nội dung điều chỉnh, trượt giá, biến động giá; thực hiện yêu cầu của nhà đầu tư trong việc lập, thẩm định dự toán bổ sung và điều chỉnh dự toán; hướng dẫn và kiểm tra nhà thầu lập hồ sơ trượt giá, điều chỉnh biến động giá theo quy định của hợp đồng hoặc theo quy định của pháp luật hiện hành.

d) Tiếp nhận, hướng dẫn nhà thầu lập lệnh thay đổi và hồ sơ sửa đổi, phụ lục bổ sung hợp đồng. Đề xuất với nhà đầu tư phương án giải quyết tranh chấp hợp đồng (nếu có).

### **5. Quản lý an toàn lao động, phòng chống cháy nổ và vệ sinh môi trường**

a) Kiểm tra biện pháp tổ chức thi công, đảm bảo an toàn khi thi công xây dựng của nhà thầu. Kiểm tra hệ thống quản lý an toàn lao động, phòng chống cháy nổ và vệ sinh môi trường, việc thực hiện và phổ biến các biện pháp, nội quy an toàn lao động cho các cá nhân tham gia dự án của các nhà thầu.

b) Thường xuyên kiểm tra và yêu cầu nhà thầu đảm bảo an toàn lao động và môi trường xây dựng.

#### **6. Thực hiện những vấn đề khác**

a) Kiểm tra và yêu cầu nhà thầu thực hiện các biện pháp đảm bảo giao thông, tổ chức giao thông của nhà thầu.

b) Tham gia giải quyết những sự cố có liên quan đến công trình xây dựng và báo cáo lên cấp có thẩm quyền theo quy định hiện hành.

c) Lập báo cáo định kỳ (tháng, quý, năm) và đột xuất (khi có yêu cầu hoặc khi thấy cần thiết) gửi nhà đầu tư. Các nội dung chính cần báo cáo: Tình hình thực hiện dự án; tình hình hoạt động của tư vấn (huy động và bố trí lực lượng, kết quả thực hiện hợp đồng tư vấn); các đề xuất, kiến nghị.

d) Tiếp nhận, đối chiếu và hướng dẫn nhà thầu xử lý theo các kết quả kiểm tra, giám định, phúc tra của các cơ quan chức năng và nhà đầu tư.

e) Tham gia hội đồng nghiệm thu cơ sở theo quy định hiện hành.

#### **7. Yêu cầu đối với chất lượng, tiến độ, giá thành xây dựng công trình**

Công trình phải được thi công và nghiệm thu theo đúng tiêu chuẩn với hồ sơ thiết kế được duyệt và đúng với thời gian được quy định trong hợp đồng đã ký kết.

Chất lượng, tiến độ, giá thành xây dựng công trình phải đáp ứng đúng và đủ các thành phần theo qui định hiện hành về chất lượng công trình xây dựng tại Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ. Trong đó phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, biên bản... liên quan sao cho các bên A-B-TK-TVGS có cơ sở thông nhất khi nghiệm thu các chi tiết và bộ phận công trình.

#### **8. Yêu cầu về tiến độ thực hiện**

Kiểm tra và nghiên cứu hồ sơ khảo sát địa hình, địa chất, thiết kế bản vẽ thi công chi tiết cho từng hạng mục công trình để làm cơ sở cho công tác tư vấn giám sát thi công công trình: Kể từ ngày hợp đồng được ký kết để có thể triển khai ngay khi có lệnh khởi công công trình.

Nhà thầu phải lập tiến độ chi tiết việc thực hiện giám sát các hạng mục chính và phụ của công trình để nhà đầu tư có cơ sở phối hợp với việc thực hiện của các gói thầu khác và làm cam kết đảm bảo thực hiện thời gian với nhà đầu tư.

**9. Dự kiến thời gian chuyên gia bắt đầu thực hiện dịch vụ tư vấn:** Ngay sau khi hợp đồng có hiệu lực.

#### **10. Thuế GTGT, chi phí dự phòng:**

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) trong giá dự thầu. Nhà thầu khi tham gia dự thầu phải chào giá dự thầu với thuế giá trị gia tăng là **8%** theo đúng cơ cấu của giá gói thầu được duyệt.

Nhà thầu phải chào riêng chi phí dự phòng cho gói thầu này với số tiền tối thiểu là

**82.701.000 đồng** để sử dụng cho khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng. Trường hợp nhà thầu không chào riêng chi phí dự phòng đáp ứng yêu cầu, giá trúng thầu sẽ được điều chỉnh lại cơ cấu, đảm bảo chi phí dự phòng trong cơ cấu giá hợp đồng không thấp hơn dự phòng trong dự toán được duyệt; trường hợp nhà thầu giảm giá theo tỷ lệ phần trăm, chi phí dự phòng khi trúng thầu được điều chỉnh giảm tương ứng tỷ lệ giảm giá.

### **III. Báo cáo và thời gian thực hiện:**

- Báo cáo định kỳ hàng tháng: **Theo yêu cầu của Chủ đầu tư.**
- Báo cáo định kỳ hàng tuần: **Theo yêu cầu của Chủ đầu tư.**
- Báo cáo theo từng đợt nghiệm thu, giai đoạn nghiệm thu, trước khi nghiệm thu.
- Báo cáo tiến độ thực hiện: Báo cáo tiến độ thực hiện hàng tuần, hàng tháng, hàng quý và dự kiến kế hoạch tháng, quý tiếp theo: **Theo yêu cầu của Chủ đầu tư.**
- Báo cáo nhanh, báo cáo đột xuất, báo cáo khi có sự cố (ngay sau khi có hiện tượng xảy ra).

### **IV. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu:**

Nhân sự theo yêu cầu mục 2 Chương III-E-HSMT.

### **V. Trách nhiệm của Chủ đầu tư:**

- Cử cán bộ chuyên trách phối hợp với nhà thầu trong công tác liên hệ địa phương, tổ chức hội thảo, phục vụ thẩm định và phê duyệt sản phẩm.
- Thanh quyết toán với nhà thầu theo nguồn vốn được cấp.